

## QUY ĐỊNH

**Một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thừa Thiên Huế**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 26 tháng 10 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thừa Thiên Huế.

b) Các chính sách khác không quy định tại Quy định này được thực hiện theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Doanh nghiệp đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật.

b) Cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

#### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giá thuê mặt bằng là chi phí mà doanh nghiệp nhỏ và vừa (doanh nghiệp đi thuê) phải trả cho đơn vị kinh doanh hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp (doanh nghiệp cho thuê), bao gồm tiền thuê lại đất và phí hạ tầng.

2. Số ngày giải quyết hồ sơ được quy định tại Quy định này được hiểu là số ngày làm việc.

#### **Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định của Quy định này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì doanh nghiệp được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất.

2. Tỉnh Thừa Thiên Huế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có trọng tâm, có thời hạn, phù hợp với mục tiêu hỗ trợ và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương.

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được nhận hỗ trợ khi đã thực hiện đầy đủ quy định của Quy định này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Căn cứ vào nguồn lực hỗ trợ, việc hỗ trợ được thực hiện theo nguyên tắc:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ hơn nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện được hỗ trợ trước.

b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện trước được hỗ trợ trước.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

#### **Điều 4. Hỗ trợ mặt bằng sản xuất, kinh doanh tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp**

##### 1. Nội dung hỗ trợ:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa (trừ doanh nghiệp nhỏ và vừa có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhỏ và vừa có vốn nhà nước) được tính hỗ trợ giá thuê mặt bằng để thực hiện hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp (trừ Cụm công nghiệp An Hòa).

##### b) Định mức hỗ trợ:

Hỗ trợ 30% giá thuê mặt bằng (bao gồm tiền thuê lại đất và hạ tầng) nhưng tối đa không quá 150 triệu đồng/doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp chỉ được hỗ trợ một hợp đồng thuê mặt bằng trong suốt quá trình hoạt động. Mức giá hỗ trợ được tính theo giá tại hợp đồng thuê đã ký kết giữa các bên và không vượt quá mức giá đã được đơn vị kinh doanh hạ tầng công bố hàng năm theo quy định.

Riêng khu công nghiệp Phú Bài, Tứ Hạ được hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ so với các khu công nghiệp còn lại quy định tại Khoản 1 Điều này; các cụm công nghiệp Thủy Phương, Tứ Hạ được hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ so với các cụm công nghiệp còn lại quy định tại Điều này.

c) Thời gian hỗ trợ: Tối đa 05 năm kể từ ngày doanh nghiệp nhỏ và vừa ký hợp đồng thuê mặt bằng với đơn vị kinh doanh hạ tầng.

d) Hình thức hỗ trợ: Chuyển trực tiếp và theo từng năm cho đơn vị kinh doanh hạ tầng mà doanh nghiệp nhỏ và vừa ký hợp đồng thuê đất. Quy định này áp dụng cho cả trường hợp trả tiền thuê mặt bằng một lần cho cả thời gian thuê.

##### 2. Hồ sơ, trình tự thực hiện:

##### a) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa (theo Mẫu I phần Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu II phần Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ (bản sao).

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của đơn vị kinh doanh hạ tầng (bản sao).

- Hợp đồng thuê mặt bằng (bản sao).

- Những tài liệu, hồ sơ liên quan đến nội dung đề xuất hỗ trợ (nếu có).

b) Hồ sơ thanh toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:

- Quyết định hỗ trợ mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (bản chính);

- Biên bản xác nhận đã nộp tiền thuê mặt bằng giữa doanh nghiệp nhỏ và vừa với đơn vị kinh doanh hạ tầng theo từng năm, áp dụng cho cả trường hợp trả tiền thuê mặt bằng một lần cho cả thời gian thuê (bản chính);

- Các hóa đơn, chứng từ tài chính có liên quan.

c) Quy trình thực hiện hỗ trợ:

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, tiến hành xác minh, kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Trong vòng 03 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ, cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định hỗ trợ. Trường hợp hồ sơ không đảm bảo điều kiện hỗ trợ thì ban hành Văn bản từ chối và nêu rõ lý do.

3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan phối hợp trong việc tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện, giám sát kết quả thực hiện nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều này.

### **Điều 5. Hỗ trợ đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp**

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh và tối đa 80% tổng chi phí của một khóa quản trị doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Miễn học phí cho học viên của doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp xã hội khi tham gia khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp.

2. Hồ sơ, trình tự thực hiện:

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1014/QĐ-BKHĐT, ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ kế hoạch và Đầu tư.

3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền trong việc tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện, giám sát kết quả thực hiện nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều này.

### **Điều 6. Hỗ trợ tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo**

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ tối đa 60% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ tối đa 60% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế nhưng

không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử.

2. Hồ sơ, trình tự thực hiện:

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1014/QĐ-BKHĐT ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ kế hoạch và Đầu tư.

3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền trong việc tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện, giám sát kết quả thực hiện nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều này.

### **Chương III** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ tăng cường tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết này đến các đối tượng thụ hưởng. Định kỳ 06 tháng báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân công tổ chức triển khai thực hiện Quy định.

3. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công thực hiện tại Quy định này.

#### **Điều 8. Trách nhiệm của doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Cung cấp thông tin, tài liệu về doanh nghiệp kịp thời, đầy đủ, chính xác theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật; thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

3. Thực hiện đúng cam kết với cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Doanh nghiệp chỉ được hưởng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh theo Quy định này nếu không vi phạm các trách nhiệm quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

#### **Điều 9. Sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh Quy định**

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này nếu gặp vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp có ý kiến bằng văn bản gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương./.

**Phụ lục**  
**TỜ KHAI XÁC ĐỊNH DOANH NGHIỆP SIÊU NHỎ, DOANH NGHIỆP NHỎ, DOANH NGHIỆP VỪA**

*Mẫu I: Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa*

1. Thông tin chung về doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp:

.....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

.....

Loại hình doanh nghiệp:

.....

Địa chỉ trụ sở chính:

.....

Quận/huyện: ..... Tỉnh/thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

2. Thông tin xác định doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ:

Có vốn điều lệ do một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu từ 51% trở lên:

Có  Không

Tên người quản lý điều hành doanh nghiệp:

.....

3. Thông tin về tiêu chí xác định quy mô doanh nghiệp:

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:

.....

Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm:

.....

*Trong đó, số lao động nữ:* .....

Tổng nguồn vốn:

.....

Tổng doanh thu năm trước liền kề:

.....

4. Doanh nghiệp tự xác định thuộc quy mô (tích X vào ô tương ứng):

Doanh nghiệp siêu nhỏ  Doanh nghiệp nhỏ  Doanh nghiệp vừa

5. Các nội dung đề xuất hỗ trợ (Doanh nghiệp lựa chọn một hoặc nhiều nội dung hỗ trợ):

Hỗ trợ công nghệ:

.....

Hỗ trợ tư vấn:

.....

Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực:

.....

Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh: .....

.....

Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo: .....

Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị:  
.....

**DOANH NGHIỆP CAM KẾT**

1. Về tính chính xác liên quan tới thông tin của doanh nghiệp.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

*Thị Thiên Huệ, ngày ... tháng ... năm ...*

Người đại diện theo pháp luật

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

**BIỂU MẪU HỖ TRỢ MẶT BẰNG SẢN XUẤT, KINH DOANH***Mẫu II: Đơn đề nghị hỗ trợ mặt bằng sản xuất, kinh doanh tại các KCN, CCN***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Thừa Thiên Huế, ngày ... tháng ... năm ...***ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**  
**Mặt bằng sản xuất, kinh doanh**Kính gửi: <Cơ quan hỗ trợ mặt bằng sản xuất><sup>1</sup>

Tôi tên là (ghi rõ họ tên):.....  
 Số CMND/CCCD: ..... ngày cấp: .....  
 Là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp (ghi rõ tên và mã số doanh nghiệp): .....  
 Địa chỉ: .....  
 Điện thoại doanh nghiệp: .....

Doanh nghiệp chúng tôi đang thuê mặt bằng của <doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng><sup>2</sup> để làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh (<công trình/dự án><sup>3</sup>). Hiện Doanh nghiệp đã hoàn thành việc xây dựng và đưa công trình vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Hình thức trả tiền thuê mặt bằng:

- Trả tiền hàng năm.  
 Trả tiền 01 lần cho cả thời gian thuê.

- Tổng số tiền thuê mặt bằng phải trả trong 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng: ..... triệu đồng, trong đó số tiền đề nghị hỗ trợ: ..... triệu đồng.

+ Năm thứ nhất: ..... triệu đồng, trong đó đề nghị hỗ trợ: ..... triệu đồng;

+ ....

+ Năm thứ năm: ..... triệu đồng, trong đó đề nghị hỗ trợ: ..... triệu đồng.

Tôi cam kết những thông tin kê khai ở trên là chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp và trung thực của nội dung đề nghị hỗ trợ trên.

*Thừa Thiên Huế, ngày ... tháng ... năm ...*

Người đại diện theo pháp luật

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*<sup>1</sup> Ghi Ban quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh đối với địa bàn các khu công nghiệp, khu kinh tế;

Ghi UBND các huyện/ thị xã/ TP Huế đối với địa bàn các cụm công nghiệp thuộc các địa phương quản lý.

<sup>2</sup> Ghi tên và mã số doanh nghiệp của đơn vị kinh doanh hạ tầng khu/cụm công nghiệp.<sup>3</sup> Ghi tên công trình/dự án sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa.